

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/DS-PT
Ngày 28 - 01 - 2021
V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Xuân Long

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Hiếu

Ông Trịnh Hoàng Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 210/2020/TLPT-DS ngày 22 tháng 12 năm 2021, về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 39/2020/DS-ST ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 191/2020/QĐ-PT ngày 23-12-2020, quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐ-PT ngày 13-01-2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Huy V, sinh năm: 1961; địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Huy K, sinh năm 1995; địa chỉ: Đường L, khu phố V, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; là đại diện theo ủy quyền, theo Giấy ủy quyền ngày 10-3-2020 (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Vũ Anh T, luật sư thuộc Văn phòng Luật sư H, đoàn luật sư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

2. Bị đơn:

- Bà Võ Như Y, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Số X, đường Y, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

- Ông Nguyễn Công Hoàng N, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Số X, đường Y, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trịnh Thị Kim Ng, sinh năm: 1973; địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà Ng: Ông Nguyễn Huy V, sinh năm: 1961; địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh; là đại diện theo ủy quyền, theo Giấy ủy quyền ngày 15-9-2020 (có mặt).

- Bà Võ Thị H, sinh năm 1952; địa chỉ: Số X, đường Y, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

- Bà Hồ Thị P, sinh năm 1977; địa chỉ: Số X, đường Y, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Huy V, sinh năm 1961; là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12-02-2020 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Huy V và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 03/5/2019, ông Nguyễn Huy V, bà Trịnh Thị Kim Ng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Kỳ Kh và bà Trương Thị Mỹ H (ông Trần Văn B nhận ủy quyền của ông Kh, bà H theo hợp đồng ủy quyền lập ngày 25/4/2019 tại Văn phòng công chứng T, số công chứng 2100, quyền số 01/2019) diện tích đất 147,6m² thuộc thửa 363 tờ bản đồ số 32 phường L, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 3227 ngày 03/5/2019, được công chứng tại Văn phòng công chứng T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ngày 06/6/2019, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 949400 đứng tên ông Nguyễn Huy V, bà Trịnh Thị Kim Ng.

Khi nhận chuyển nhượng ông B là người chỉ vị trí lô đất xác định chiều ngang từ tường rào nhà ông N qua là 6m và kéo dài xuống 24m.

Theo mảnh trích đo địa chính ngày 30/6/2020 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Bà Rịa đo vẽ, thì một phần diện tích đất thuộc thửa 363 tờ bản đồ số 32 phường L của ông V, bà Ng chồng lấn với thửa đất số 202 tờ bản đồ số 32 phường L của ông Nguyễn Công Hoàng N diện tích là 7,8m² và chồng lấn với thửa đất số 585 tờ bản đồ số 32 phường L của bà Võ Như Y diện tích là 9,6m². Sau khi phát hiện đất bị chồng lấn ông V đã nhiều lần gặp ông N, bà Y yêu cầu trả lại nhưng ông N, bà Y không thực hiện. Do không thỏa thuận, giải quyết được với nhau nên ông V đã có đơn khiếu nại gửi đến Ủy ban phường L giải quyết. Ngày 08/01/2020, Ủy ban phường L tiến hành hòa giải nhưng không thành. Vì vậy, ông V khởi kiện

yêu cầu Tòa án buộc bà Y trả lại diện tích là $9,6\text{m}^2$ và ông N trả lại diện tích là $7,8\text{m}^2$ thửa đất số 585 tờ bản đồ số 32 phường L, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Hiện nay trên phần diện tích $9,6\text{m}^2$ có một phần căn nhà của bà Y. Phần diện tích $7,8\text{m}^2$ có một phần tường rào của ông N nên ông V đề nghị bà Y, ông N phải tháo dỡ vật kiến trúc trên phần đất chồng lấn trả lại đất cho ông V, bà Ng.

Ông V không có ý kiến gì đối với sơ đồ vị trí thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đo vẽ và xác nhận ngày 30/6/2020, kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, cũng như kết quả định giá ngày 30/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản.

Theo bản tự khai 10-3-2020 và trong quá trình tố tụng bị đơn bà Võ Như Y trình bày:

Ngày 17/9/2018, bà Võ Như Y nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Minh T quyền sử dụng đất diện tích $128,9\text{m}^2$ thửa số 585, tờ bản đồ số 32 phường L, thành phố Bà Rịa, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Phòng Công chứng số 2, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu công chứng số 2391, quyển số 03/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/9/2018. Ngày 30/10/2018, bà Y được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 036534. Khi bà Y nhận chuyển nhượng của ông T, hiện trạng đã có 1 căn nhà cấp 4 trên đất (đúng như hiện trạng hiện nay). Bà Y sử dụng căn nhà trên đất từ khi nhận chuyển nhượng đến nay, không sửa chữa thêm. Bà Y sử dụng đất và căn nhà cấp 4 trên đất ổn định cho đến nay. Ranh giới giữa nhà bà Y và các hộ xung quanh cũng sử dụng ổn định như hiện trạng, không ai tranh chấp.

Bà Y không có ý kiến gì đối với sơ đồ vị trí thửa đất theo Mảnh trích đo địa chính số 2020 ngày 30/6/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Bà Rịa, kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và kết quả định giá ngày 30/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản. Do trên phần đất $9,6\text{m}^2$ sử dụng lấn của ông V có 01 phần căn nhà cấp 4 bà Y nên bà Y đề nghị được thanh toán bằng tiền cho ông V theo giá mà Hội đồng định giá đưa ra, cụ thể: $9,6\text{m}^2 \times 7.000.000 \text{ đồng/m}^2 = 67.000.000$ (sáu mươi bảy triệu) đồng.

Theo bản tự khai ngày 10-3-2020 và trong quá trình tố tụng bị đơn ông Nguyễn Công Hoàng N trình bày:

Ông N là chủ sử dụng đất thửa số 202 tờ bản đồ số 32 phường L, thành phố Bà Rịa: Nguồn gốc diện tích $99,9\text{m}^2$ đất thửa 202, tờ bản đồ số 32 phường L ông N nhận chuyển nhượng của ông Phạm Tư D và bà Phạm Thị N năm 2017, đến ngày 03/10/2019 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Bà Rịa xác nhận trang IV thay đổi sau khi cấp giấy. Khi ông N nhận chuyển nhượng của ông D, bà N, hiện trạng trên đất là đất trống. Sau khi mua xong ông N không cắm mốc mà lấy ranh từ tường nhà ông N đã xây dựng trên thửa 201 để xác định vị trí, ranh giới thửa 202. Cuối năm 2017, ông N xây dựng hàng rào gạch cao 2m^2 , móng kiềng bê tông, cổng sắt bao xung quanh.

Theo Mảnh trích đo địa chính số 2020 ngày 30/6/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Bà Rịa (do Tòa án cung cấp) thì phần diện tích ông N sử dụng lần thửa 363 tờ bản đồ số 32 phường L là $7,8\text{m}^2$, ông N không có ý kiến gì. Phần diện tích $7,8\text{m}^2$ hiện nay có 1 phần tường rào của ông N. Ông V khởi kiện yêu cầu ông N trả lại diện tích $7,8\text{m}^2$, ông N đề nghị được nhận chuyển nhượng từ ông V diện tích $7,8\text{m}^2$ sử dụng chồng lấn và thanh toán lại bằng tiền. Tại phiên tòa ông N đồng ý trả cho ông V bằng tiền theo mức giá $9.000.000 \text{ đồng/m}^2$, cụ thể là $7,8\text{m}^2 \times 9.000.000 \text{ đồng} = 70.200.000 \text{ đồng}$.

Ông N không có ý kiến gì đối với sơ đồ vị trí thửa đất do Mảnh trích đo địa chính số 2020 ngày 30/6/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Bà Rịa, cũng như kết quả xem xét, thẩm định, tại chỗ và kết quả định giá ngày 30/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 39/2020/DS-ST ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã:

Áp dụng: Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 175 của Bộ luật Dân sự; các điều 166, 170 và 203 của Luật Đất đai và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Huy V về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” đối với bà Võ Như Y và ông Nguyễn Công Hoàng N.

Buộc bà Võ Như Y có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Huy V, bà Trịnh Thị Kim Ng số tiền 67.000.000đ (sáu mươi bảy triệu) đồng là giá trị quyền sử dụng diện tích $9,6\text{m}^2$ đất nông nghiệp thuộc một phần thửa 363 tờ bản đồ số 32 phường Long Toàn, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Buộc ông Nguyễn Công Hoàng N có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Huy V, bà Trịnh Thị Kim Ng số tiền 70.200.000đ (bảy mươi triệu, hai trăm ngàn) đồng là giá trị quyền sử dụng diện tích $7,8\text{m}^2$ đất nông nghiệp thuộc một phần thửa 363 tờ bản đồ số 32 phường L, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bà Võ Như Y được quyền sử dụng diện tích $9,6\text{m}^2$ đất nông nghiệp thuộc một phần thửa 363 tờ bản đồ số 32 phường L, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Ông Nguyễn Công Hoàng N được quyền sử dụng diện tích $7,8\text{m}^2$ đất nông nghiệp thuộc một phần thửa 363 tờ bản đồ số 32 phường L, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Vị trí, tứ cận theo Mảnh trích đo địa chính do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đo vẽ và xác nhận ngày 30/6/2020.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 28 tháng 10 năm 2020, nguyên đơn – ông Nguyễn Huy V làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng buộc bị đơn phải tháo dỡ tài sản để trả đất cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo ông Nguyễn Huy V vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và các đương sự trong vụ án đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Cụ thể như sau:

1. Căn cứ vào Mảnh trích đo địa chính do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đo vẽ và xác nhận ngày 30/6/2020 thì:

- Vợ chồng ông Nguyễn Huy V, bà Trịnh Thị Kim Ng và vợ chồng ông Nguyễn Công Hoàng N, bà Hà Thị P xác nhận: Phần diện tích đất mà vợ chồng ông N sử dụng xây tường gạch lán chiếm sang thửa đất số 363, tờ bản đồ số 32, tọa lạc tại phường L, thành phố Bà Rịa thuộc quyền sử dụng hợp pháp của vợ chồng ông V với diện tích là 7.8 m^2 (đất nông nghiệp) có giá trị là 10.500.000 đồng/ m^2 . Nay vợ chồng ông V giao diện tích là 7.8 m^2 (đất nông nghiệp) thuộc một phần thửa đất số 363, tờ bản đồ số 32, tọa lạc tại phường L, thành phố Bà Rịa cho vợ chồng ông N quản lý và sử dụng; vợ chồng ông N, bà Phụng đồng ý thanh toán cho vợ chồng ông V giá trị của diện tích đất trên tương ứng $7.8 \text{ m}^2 \times 10.500.000 \text{ đồng} = 81.900.000 \text{ đồng}$.

- Vợ chồng ông Nguyễn Huy V, bà Trịnh Thị Kim Ng và bà Võ Như Y xác nhận: Phần diện tích đất mà bà Y sử dụng xây nhà lán chiếm sang thửa đất số 363, tờ bản đồ số 32, tọa lạc tại phường L, thành phố Bà Rịa thuộc quyền sử dụng hợp pháp của vợ chồng ông V với diện tích là 9.6 m^2 (đất nông nghiệp) có giá trị là 10.000.000 đồng/ m^2 . Nay vợ chồng ông V giao diện tích là 9.6 m^2 (đất nông nghiệp) thuộc một phần thửa đất số 363, tờ bản đồ số 32, tọa lạc tại phường L, thành phố Bà Rịa cho bà Y quản lý và sử dụng. Do bà Y có hoàn cảnh khó khăn, vợ chồng ông V tự nguyện hỗ trợ cho bà Y số tiền 2.500.000 đồng/ m^2 ; bà Y đồng ý thanh toán cho vợ chồng ông V giá trị của diện tích đất trên tương ứng: $9.6 \text{ m}^2 \times 7.500.000 \text{ đồng} = 72.000.000 \text{ đồng}$.

2. Về chi phí tố tụng: Vợ chồng ông N và bà Y đồng ý chịu theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Vợ chồng ông N và bà Y đồng ý chịu theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung kháng cáo: Tại phiên tòa, do các đương sự thống nhất với nhau về giải quyết vụ án; sự thỏa thuận trên không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Từ những nhận định trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự; sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Huy V đảm bảo đúng thủ tục, nội dung và nộp trong thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên hợp lệ. Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Huy V thì thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của các đương sự khác nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự ghi nhận những nội dung mà các đương sự đã thỏa thuận là có căn cứ.

[3] Về chi phí tố tụng:

Bà Y và ông N có nghĩa vụ hoàn trả số tiền tạm ứng chi phí tố tụng cho vợ chồng ông V, mỗi người phải chịu 2.142.500đ (Hai triệu, một trăm bốn mươi hai ngàn năm trăm đồng).

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Y phải chịu án phí có giá ngạch là 3.600.000 đồng.

Ông N phải chịu án phí có giá ngạch là 4.095.000 đồng.

[4.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Do các đương sự thỏa thuận được với nhau tại phiên tòa nên người kháng cáo phải nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 39/2020/DS-ST ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Áp dụng: Điều 300 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 26, 29 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử: Ghi nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự như sau:

1. Ông Nguyễn Công Hoàng N, bà Hà Thị Phương được quyền sử dụng hợp pháp diện tích là 7.8 m² (đất nông nghiệp) thuộc một phần thửa đất số 363, tờ bản đồ số 32, tọa lạc tại phường L, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Ông Nguyễn Công Hoàng N, bà Hà Thị Phương phải có trách nhiệm thanh toán giá trị của diện tích đất trên cho ông Nguyễn Huy V, bà Trịnh Thị Kim Ng số tiền là: 81.900.000đ (Tám mươi một triệu chín trăm ngàn đồng).

2. Bà Võ Như Y được quyền sử dụng hợp pháp diện tích là 9.6 m² (đất nông nghiệp) thuộc một phần thửa đất số 363, tờ bản đồ số 32, tọa lạc tại phường L, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bà Võ Như Y phải có trách nhiệm thanh toán giá trị của diện tích đất trên cho ông Nguyễn Huy V, bà Trịnh Thị Kim Ng số tiền là: 72.000.000đ (Bảy mươi hai triệu đồng).

Vị trí, tứ cận của các diện tích đất trên được thể hiện theo Mảnh trích đo địa chính do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đo vẽ và xác nhận ngày 30/6/2020.

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để chỉnh lý, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Về chi phí tố tụng:

Buộc bà Võ Như Y trả lại cho ông Nguyễn Huy V số tiền 2.142.500đ (Hai triệu một trăm bốn mươi hai ngàn năm trăm đồng).

Buộc ông Nguyễn Công Hoàng N trả lại cho ông Nguyễn Huy V số tiền 2.142.500đ (Hai triệu một trăm bốn mươi hai ngàn năm trăm đồng).

4. Kể từ ngày, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án một khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Y phải chịu án phí có giá ngạch là 3.600.000đ (Ba triệu sáu trăm ngàn đồng).

Ông N phải chịu án phí có giá ngạch là 4.095.000đ (Bốn triệu không trăm chín mươi lăm ngàn đồng).

Hoàn lại cho ông Nguyễn Huy V số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003269 ngày 19/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

6. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Huy V phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng); được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003086 ngày 26-11-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa. Ông V đã nộp xong.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.”

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Kèm theo Bản án là Bản trích đo địa chính do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đo vẽ và xác nhận ngày 30/6/2020).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND Tp Bà Rịa;
- THADS Tp Bà Rịa;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Xuân Long